

Số: /2025/QĐ-UBND Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1724/TTr-STP ngày 24 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong việc cung cấp văn bản để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

c) Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Đoàn luật sư tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Vandt

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nông Quang Nhật

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);
3. Đoàn luật sư tỉnh;
4. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh;
5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là doanh nghiệp);
6. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự quản lý toàn diện, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật;
3. Thực hiện thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả.
4. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.
2. Phối hợp cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp.

3. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp.

4. Phối hợp hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3. Cử đại diện tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Phối hợp cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Ngay trong ngày văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ký ban hành hoặc chậm nhất là trong buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (bản điện tử bao gồm cả định dạng word và pdf) đến Sở Tư pháp qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để thực hiện cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và tình trạng hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Cơ quan cung cấp văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan cập nhật văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Khi phát hiện

có sai lệch thông tin cơ bản của văn quy phạm pháp luật do mình cung cấp phải kịp thời phản ánh đến cơ quan cập nhật văn bản để thực hiện việc hiệu đính văn bản.

Việc hiệu đính văn bản phải được thực hiện kịp thời và không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo. Sau khi tiến hành hiệu đính văn bản, cơ quan thực hiện cập nhật văn bản phải thông báo công khai nội dung hiệu đính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Doanh nghiệp được tiếp cận, khai thác miễn phí thông tin của văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (địa chỉ: <https://vbpl.vn/pages/portal.aspx>) quy định tại khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thì doanh nghiệp có quyền đề nghị Sở Tư pháp kịp thời cập nhật văn bản đó.

Điều 7. Phối hợp trong cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp

1. Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân khu vực công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án trên Cổng thông tin điện tử của tòa án theo quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

2. Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường công bố quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kết nối Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên với cổng thông tin điện tử công khai các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan.

b) Gửi các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

4. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin dữ liệu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 8. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp

1. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý và chịu trách nhiệm đối với nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

2. Phối hợp cập nhật dữ liệu văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp

a) Đối với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành; gửi văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Đối với văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trả lời đối với vướng mắc pháp lý.

Cơ quan, đơn vị ban hành văn bản trả lời gửi văn bản trả lời của mình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành để cập nhật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh; gửi đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của cơ quan, đơn vị lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin dữ liệu của văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 9. Phối hợp trong việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp

a) Làm đầu mối thực hiện hoạt động hỗ trợ chi phí tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; lập dự toán kinh phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, gửi văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để cập nhật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phối hợp với cung cấp thông tin liên quan trong hoạt động hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin của văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp quy định tại Điều này.

Điều 10. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh, tổ chức khác có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai, tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tiến độ thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan, đơn vị mình, đồng gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp.

3. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi lĩnh vực thẩm quyền quản lý có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Điều 7 Quy chế này.

3. Đoàn Luật sư tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện./.